TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nhật Trường;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tòng và ông Nguyễn Đăng Đúng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 106/2024/TLST-DS ngày 20/5/2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-DS ngày 05/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2024/QĐST-DS ngày 19/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**;

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trương Thị Thu T**; chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh P; địa chỉ: B - B - B - B H, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. *(Theo Giấy ủy quyền số 110/2024/GUQ-CNPY ngày 19/4/2024 của bà Huỳnh Trần Hoàng N, chức vụ: Quyền giám đốc Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh P).* Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1993. Vắng mặt tại phiên tòa.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: D T, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/12/2020, ông Nguyễn Văn H có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1643008 với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh P và được Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000đ, mục đích là để tiêu dùng

cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo như hợp đồng đã ký kết, do đó đến ngày 10/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H và chuyển toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh của kỳ thanh toán sang nợ quá hạn là 33.877.869đ. Vào kỳ thanh toán tháng 8/2024, ông H có thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5.000.000đ và đã được nguyên đơn trừ vào số tiền nợ gốc. Tính đến xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024), ông H còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 44.049.774đ (trong đó, tiền nợ gốc 28.877.869đ, lãi quá hạn là 15.171.905đ). Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1643008 ngày 01/12/2020 đã ký kết. Bị đơn tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Thừa nhận có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1643008 với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh P là đúng và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn. Bị đơn đề nghị ngân hàng chốt tiền gốc và lãi phát sinh, không phát sinh thêm lãi, có cơ chế miễn, giảm lãi cho bị đơn và bị đơn cam kết trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh cho nguyên đơn theo như hợp đồng tín dụng đã ký kết, ngoài ra bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 44.049.774đ, trong đó nợ gốc là 28.877.869đ và lãi quá hạn là 15.171.905đ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết; bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân với cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS; bị đơn có địa chỉ thường trú tại khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, do đó căn cứ vào các

Điều 26, 35, 39 BLTTDS 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Ngày 01/12/2020, ông Nguyễn Văn H có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1643008 với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh P và được Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000đ, số tài khoản thẻ 3880849082, mục đích là để tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm làm thẻ 31,2%/năm. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1643008 ngày 01/12/2020 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

3.2. Quá trình sử dụng thẻ, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ gốc quá hạn là 33.877.869đ và có Thông báo số 30/2024/TB-KSRR ngày 15/01/2024 về việc khởi kiện ông H nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết.

3.3. Bị đơn thừa nhận có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1643008 với nguyên đơn và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18, 20, 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ thành khoản nợ quá hạn và thực hiện các thủ tục để thu hồi nợ là phù hợp với mục 4 Điều 26 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, phù hợp với quy định tại Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng; lãi, lãi suất chậm trả tại thời điểm xét xử sơ thẩm xác định theo quy định tại Điều 7, khoản 2, 3 và 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

3.4. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 44.049.774đ (trong đó, tiền nợ gốc 28.877.869đ, lãi quá hạn là 15.171.905đ), do đó bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền trên và tiền lãi phát sinh theo như thỏa thuận đã ký kết cho đến khi hết nợ.

3.5. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn chốt lại số tiền gốc và lãi phát sinh, không phát sinh thêm lãi, bị đơn xin trả dần hàng tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ. Xét thấy, yêu cầu trên không phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết và các quy định của pháp luật có liên quan, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. H1 lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 147, Điều 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 103, 105 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Thông tư 19/20216/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S;

1. Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 44.049.774đ (trong đó, tiền nợ gốc 28.877.869đ, lãi quá hạn là 15.171.905đ) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1643008 ngày 01/12/2020 đã ký kết.

2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1643008 ngày 01/12/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu 2.202.000đ (hai triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 1.018.000đ (một triệu không trăm mười tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0003249 ngày 16/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS TX. Đông Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nhật Trường